

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG****THÔNG TƯ**

Số 24/2010/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện

Phụ lục 2

**CÁC MẪU BẢN KHAI VÀ HƯỚNG DẪN KÊ KHAI ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

(Kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tiếp theo Công báo số 694 + 695)

Mẫu 1d

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với thiết bị phát thanh truyền hình)

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Giấy phép hoạt động báo chí hoặc số Giấy phép viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày

1.2. Tài khoản	Số	
	Ngân hàng	
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	() Đồng ý () Không đồng ý
1.3. Địa chỉ liên lạc		
1.4. Số FAX/số điện thoại		1.5. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail)
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	() Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ Phụ lục 1)	
	() Gia hạn cho.....giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 2)	
	() Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ Phụ lục 1)	
	() Ngừng.....giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 3)	
3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày:	đến hết ngày:
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG		
5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT		
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.		
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.		
5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.		
5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.		

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. ĐỊA CHỈ ĐẶT THIẾT BỊ VTD			
3. LOẠI ĐÀI:		- Phát thanh ()	- Truyền hình ()
4. HỘ HIỆU (nhận dạng)			
5. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ:			
5.1. Công suất phát (W)		5.2. Hệ - tiêu chuẩn	
5.3. Băng tần thiết bị phát		5.4. Kênh phát đề nghị	
5.5. Giới hạn kênh (MHz)		5.6. Tần số sóng mang	
5.7. Phương thức phát			
5.8. Overlapping (MHz)		5.9. Offset (f _{dòng})	
6. TỶ LỆ HAO FIDER (dB)			
7. ĂNG-TEN	Kiểu	Hướng tính	D <input type="checkbox"/> ND <input type="checkbox"/>
Hệ số khuếch đại ăng ten (dBi)		Phân cực	
Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)		Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m)	
Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°)		Vị trí đặt ăng-ten	Kinh độ: ° ' " E Vĩ độ: ° ' " N
8. VÙNG PHỦ SÓNG			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. GIẢN ĐỒ PHÁT XẠ ĂNG-TEN CÓ HƯỚNG			
<i>Phần khai bổ sung dành riêng cho các thiết bị phát thanh - truyền hình cần đăng ký quốc tế</i>			

11. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH BẰNG TẦN VHF/UHF	
11.1. Độ cao ăng-ten hiệu dụng cực đại (Max. effective antenna height)	
11.2. Độ rộng băng tần cần thiết (Necessary bandwidth)	
12. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH BẰNG TẦN VHF/UHF	
12.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB)	12.2. Offset - Hình: - Tiếng:
12.3. Độ cao ăng-ten hiệu dụng cực đại (Max. effective antenna height)	
13. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT: Ngoài các thông số đã khai ở mục 11, 12 ở trên, đề nghị khai bổ sung các thông số sau:	
13.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)	
13.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)	
13.3. Chế độ thu (Reception mode)	
13.4. Các thông số của hệ thống (System variant)	
14. Thông tin bổ sung	

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1d)*****I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:***

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội**

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

*** Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục**

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.883336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210. 840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1d: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp theo Giấy phép hoạt động báo chí (đối với nội dung kênh chương trình phát sóng) hoặc Giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.2. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.3. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.4. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.5. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 nếu đề nghị cấp mới. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.

1. Mục đích sử dụng: ghi mục đích sử dụng đề nghị. Ví dụ: Phát lại chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam.

2. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTĐ: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh)

3. Loại đài:

- Đánh dấu “X” vào ô “Phát thanh” nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh.

- Đánh dấu “X” vào ô “Truyền hình” nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình.

4. Hô hiệu: Khai hô hiệu hoặc nhận dạng đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình.

5. Đặc điểm thiết bị phát:

5.1. Công suất phát (W): Kê khai công suất phát của thiết bị.

5.2. Hệ - tiêu chuẩn: Kê khai hệ tiêu chuẩn và hệ phát màu của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: Hệ Pal D/K, Pal B/G, DVB-T...

5.3. Băng tần thiết bị phát: Là dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.4. Kênh phát đề nghị: Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng và tần số sóng mang tương ứng.

5.5. Giới hạn kênh (MHz): kê khai từ tần số giới hạn dưới đến tần số giới hạn trên của kênh ví dụ: 478-486MHz.

5.6. Tần số sóng mang: Kê khai tần số sóng mang tương ứng với kênh phát đề nghị

- Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả tần số sóng mang hình và tần số sóng mang tiếng. Ví dụ: 175,25 MHz/181,75 MHz.

- Đối với phát thanh: kê khai tần số sóng mang tiếng.

- Đối với truyền hình số: kê khai tần số trung tâm.

5.7. Phương thức phát:

- Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả hình và tiếng. Ví dụ: 7M25C3F/750KF3E.

- Đối với phát thanh: chỉ kê khai tiếng. Ví dụ: 180KF3EGN.

- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00D2F

5.8. Overlapping (MHz): Kê khai rõ chồng lấn bao nhiêu MHz so với tần số kênh chuẩn, ví dụ Pal D/K, chồng lấn +1,25MHz, -3MHz.

5.9. Offset ($f_{\text{dòng}}$): Kê khai rõ dịch tần số (Offset) tỷ lệ bao nhiêu so với tần số dòng (ví dụ 1/12 fdòng, 6/12 fdòng...).

6. Tổn hao fider: Khai tổng tổn hao của fider (dB) và tổn hao của các connector.

7. Ăng-ten phát:

- Kiểu: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Dipol, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Dipol, dàn chân tứ đồng pha, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

- Hướng tính: Khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước.

- Hệ số khuếch đại ăng-ten (dBi): Ghi rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten.

- Phân cực: Loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...).

- Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

- Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m): là độ cao của địa hình nơi đặt ăng-ten (so với mực nước biển).

- Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

- Vị trí đặt ăng-ten: Ghi độ chính xác của kinh độ, vĩ độ đến giây (“).

8. Vùng phủ sóng: tên các địa phương nằm trong vùng phủ sóng của đài phát thanh hoặc truyền hình đề nghị cấp phép.

9. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

10. Giản đồ phát xạ ăng-ten có hướng: đề nghị tổ chức cung cấp giản đồ phát của ăng-ten.

11, 12, 13: Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế.

11.1. Độ cao ăng-ten hiệu dụng cực đại: là giá trị lớn nhất của độ cao ăng-ten hiệu dụng, tính bằng mét. Độ cao ăng-ten hiệu dụng là độ cao tính bằng mét của ăng-ten phát so với độ cao trung bình của mặt đất cách máy phát 3Km và 15 Km.

11.2. Độ rộng băng tần cần thiết: kê khai độ rộng băng tần tối thiểu để đảm bảo chất lượng thông tin.

12.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB): là tỷ số giữa công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang hình với công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang tiếng.

12.2. Offset: Kê khai rõ Offset tỷ lệ bao nhiêu so với tần số dòng (ví dụ 1/12 fdòng, 6/12 fdòng...).

12.3. Độ cao ăng-ten hiệu dụng cực đại (Max. effective antenna height): là giá trị lớn nhất của độ cao ăng-ten hiệu dụng, tính bằng mét. Độ cao ăng-ten hiệu dụng là độ cao tính bằng mét của ăng-ten phát so với độ cao trung bình của mặt đất cách máy phát 3Km và 15 Km.

13.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): Đối với mạng đơn tần, khai khoảng bảo vệ là: 4 (khoảng bảo vệ là 1/4), 8(1/8), 16(1/16), 32(1/32)

13.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): Đối với mạng đơn tần, khai số lượng sóng mang là 2k hay 8k.

13.3. Chế độ thu (Reception mode): Khai chế độ thu là: F đối với thu cố định, M đối với thu lưu động; A đối với thu trong nhà và B đối với thu ngoài trời.

13.4. Các thông số của hệ thống (System variant): Các thông số hệ thống của truyền hình số được biểu thị bằng 2 ký tự. Ký tự thứ nhất chỉ phương thức điều chế: khai là A đối với điều chế QPSK; là B đối với điều chế 16-QAM; là C đối với điều chế 64-QAM. Ký tự thứ hai chỉ tỷ lệ mã: là 1 với tỷ lệ mã 1/2; là 2 với tỷ lệ mã 2/3; là 3 với tỷ lệ mã 3/4; là 5 với tỷ lệ mã 5/6; là 7 với tỷ lệ mã 7/8.

14. Khai các thông tin bổ sung (Nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1đ**Số:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ**
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài truyền thanh không dây)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý
1.2. Địa chỉ liên lạc			
1.3. Số FAX/Số điện thoại	1.4. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail)		
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... đài (..... tờ của Phụ lục)		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số.....		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục)		
	<input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số.....		

3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày	đến hết ngày
4. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG		
6. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT		
<p>6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.</p> <p>6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.</p> <p>6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.</p>		

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

Phụ lục**THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục:.....

1. Địa điểm đặt thiết bị VTĐ		
2. Công suất phát (W)		
3. Công suất phát xạ hiệu dụng		
4. Tần số phát		
5. ĂNG-TEN PHÁT	Độ cao (so với mặt đất) (m)	
	Kinh độ (° ' " E)	
	Vĩ độ (° ' " N)	
6. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG		

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1d)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**

115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

- | | |
|--|---|
| <p>* Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913</p> | <p>* Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420</p> |
| <p>* Khu vực 2: Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966</p> | <p>* Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518</p> |
| <p>* Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707</p> | <p>* Khu vực 7: Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.</p> |
| <p>* Khu vực 4: 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.883336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087</p> | <p>* Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.</p> |

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1đ: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.2. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.3. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.4. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng của giấy phép, số giấy phép vào chỗ trống.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép, số tờ khai của Phụ lục dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép, số giấy phép đề nghị ngừng sử dụng vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng.

Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

Điểm 4. Mục đích sử dụng: Ghi rõ mục đích sử dụng ví dụ như: phục vụ tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước,...

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi đài truyền thanh không dây kê khai vào 1 tờ của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTD: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh).

2. Kê khai công suất phát lớn nhất của đài.

3. Kê khai công suất phát xạ hiệu dụng của đài.

4. Tần số phát: Kê khai tần số phát đề nghị.

5. Ăng-ten phát:

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: ghi chính xác đến đơn vị giây.

6. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

- Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

- Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1e**Số:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ****THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN*****(Đối với tuyến truyền dẫn vi ba)*****KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Số Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/ số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	

Phụ lục 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

- Cấp mới** **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**
Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

	TRẠM “THỨ NHẤT”	TRẠM “THỨ HAI”
I. THÔNG SỐ CỦA TRẠM		
1. Hô hiệu (tên/mã trạm)		
2. Kinh độ		
3. Vĩ độ		
4. Cự ly tuyến (km)		
5. Địa điểm đặt		
II. CHI TIẾT THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
1. Tên thiết bị		
2. Hãng sản xuất		
3. Dải tần số thu (Mhz)		
4. Dải tần số phát (Mhz)		
5. Kiểu điều chế		
6. Bước nhảy tần (kHz)		
7. Công suất phát (dBm)		
8. Hệ số tạp âm (dB)		
9. Tần số phát (Mhz)		
10. Băng thông (Mhz)		
11. Tốc độ truyền (Mbit/s)		
12. Độ nhạy máy thu (dBm)		
13. Suy hao Tx (dB)		
14. Fade margin (dB)		
III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĂNG-TEN		
1. Tên ăng-ten		
2. Hãng sản xuất		
3. Hướng tính		

4. Kích thước		
5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6. Phân cực (tuyến tính, tròn, v.v.)		
7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
8. Giảm độ bức xạ		
IV. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày:	đến hết ngày:
V. THÔNG TIN BỔ SUNG		

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ
(Đối với thiết bị vi ba - Mẫu 1e)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 5564981; 5564917; Fax: 5564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

- | | |
|---|---|
| <p>* Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 5564919; 5564895;
Fax: 5564913</p> | <p>* Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.827857</p> |
| <p>* Khu vực 2: 8A - D2 - Văn Thánh Bắc - P25 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.8982325; 08.8035234;
Fax: 08.8982327</p> | <p>* Khu vực 6: Số 19 Đại lộ 3/2 - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.833511;
Fax: 038.849518</p> |
| <p>* Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.933356; 0511.933626;
Fax: 0511.933707</p> | <p>* Khu vực 7: Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.814061; 814063
Fax: 058.824410.</p> |
| <p>* Khu vực 4: 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 071.832760</p> | <p>* Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.</p> |

- Đề trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1e: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các tuyến truyền dẫn vi ba.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Ghi tên hợp pháp của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép (bằng chữ hoa).

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ mà tổ chức đặt trụ sở.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Mục đích sử dụng

- Đánh dấu “X” vào ô “Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng” nếu tổ chức đề nghị được thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

- Đánh dấu “X” vào ô “thiết lập mạng viễn thông công cộng” nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng viễn thông công cộng.

- Đánh dấu “X” vào ô “thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình” nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu “X” vào ô “khác” nếu mục đích sử dụng của tổ chức nằm ngoài các mục đích trên và ghi cụ thể.

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng tuyến vi ba đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho

cấp mới (trương ứng với số tuyền) vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyền điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một tuyền tuyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tuyền vi ba. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung trong Phụ lục 1 khi sửa đổi, bổ sung, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông số của trạm

Điểm 1. Hô hiệu đề nghị được sử dụng cho thiết bị thu/phát, có thể lấy tên trụ sở làm hô hiệu.

Điểm 2, 3. Ghi kinh độ, vĩ độ của vị trí đặt ăng-ten của mỗi thiết bị ở dạng thập phân, ví dụ: 105,246⁰ đông.

Điểm 4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.

Điểm 5: Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

II. Chi tiết thông số kỹ thuật

Điểm 1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

Điểm 2. Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.

Điểm 3, 4. Ghi dải tần mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

Điểm 5. Ghi các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK,...

Điểm 6. Ghi bước nhảy tần của thiết bị, là khoảng cách giữa hai tần số kế tiếp nhau mà thiết bị cho phép lựa chọn trong dải tần nêu trên.

Điểm 7. Ghi công suất phát (dBm).

Điểm 8. Ghi hệ số tạp âm (theo đơn vị dB) của máy thu.

Điểm 9. Ghi tần số phát đề nghị (theo đơn vị MHz).

Điểm 10. Ghi băng thông của thiết bị (theo đơn vị MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.

Điểm 11. Ghi tốc độ truyền của cặp vi ba (theo đơn vị Mbit/s).

Điểm 12. Ghi độ nhạy của máy thu theo đơn vị dBm.

Điểm 13. Ghi suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát.

III. Thông số kỹ thuật của ăng-ten.

Điểm 1,2. Tên ăng-ten và hãng sản xuất được ghi trên ăng-ten.

Điểm 3. Hướng tính của ăng-ten (có hướng hay vô hướng).

Điểm 4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

Điểm 5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

Điểm 6. Khai phân cực của ăng-ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...

Điểm 7. Hệ số khuếch đại ghi theo đơn vị dBi.

Điểm 8. Giảm đồ bức xạ: Đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giảm đồ; Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi thời gian mà tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sử dụng.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1f

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN*****(Đối với đài thông tin vệ tinh)***

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Số Giấy phép hoạt động báo chí hoặc Giấy phép viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/số điện thoại			1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)

Phụ lục 1**THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

THÔNG TIN CHUNG	
1. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	từ ngày: đến hết ngày:
2. Địa điểm đặt thiết bị:	
3. Mục đích sử dụng	<input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông công cộng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH <input type="checkbox"/> Khác:.....
THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA ĐÀI	
4. Hồ hiệu (tên/mã đài)	
5. Loại đài:	<input type="checkbox"/> Đài thông tin vệ tinh đặt trên máy bay <input type="checkbox"/> Đài thông tin vệ tinh di động <input type="checkbox"/> Đài thông tin vệ tinh đặt trên tàu biển <input type="checkbox"/> Đài thông tin vệ tinh mặt đất <input type="checkbox"/> Loại khác:.....
6. Loại thiết bị	<input type="checkbox"/> Cả thu và phát <input type="checkbox"/> Chỉ phát <input type="checkbox"/> Chỉ thu
7. Tên thiết bị/Hãng sản xuất/.....
8. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)/từ..... đến..... (MHz)
9. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)/từ..... đến..... (MHz)
10. Công suất phát EIRP (dBW)	
11. Phương thức phát/phương thức thu	Phát:...../Thu:.....
12. Độ rộng băng thông cần thiết (MHz)	Phát:...../Thu:.....
13. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền (Mb/s)/.....
THÔNG TIN VỀ ĂNG-TEN	
14. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất	
15. Đường kính (m)	16. Vị trí đặt ăng-ten
E.....'.....";N.....'....."

17. Độ rộng búp sóng phát/thu (°)	Phát:...../Thu:.....
18. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi)	Phát:...../Thu:.....
19. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất (°)/.....
20. Góc ngảng (°)	
21. Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)	
22. Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m)	
23. Phân cực phát	Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn: <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải
24. Phân cực thu	Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn: <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải
25. Giảm đồ bức xạ phát	<input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác:.....
26. Giảm đồ bức xạ thu	<input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác:.....
27. Thời gian dự định đưa vào khai thác	từ..... 28. Giờ hoạt động
THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ	
29. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/Tên thương mại của vệ tinh/.....
30. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh	
31. Cơ quan quản lý vệ tinh	
32. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
33. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
34. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài thông tin vệ tinh	Công suất đỉnh cực đại (dBW)... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW)...
35. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài thông tin vệ tinh	Tỷ số C/I:.... Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):...
36. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:...../Thu:.....
37. Thông tin bổ sung	

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1f)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**

115 Trần Duy Hưng - Hà Nội:

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội. *** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895; Fax: 04.35564913 Điện thoại: 031.827855; 031.827420; Fax: 031.3827420

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh. *** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966 Điện thoại: 038.3833511; Fax: 038.3849518

*** Khu vực 3:** Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng. *** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707 Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063; Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ. *** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 071.88336; 071.883334; Fax: 0710.3887087 Điện thoại: 0210.384506; 384507. Fax: 0210.3840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1f: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài thông tin vệ tinh.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1, 1.2. Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy phép hoạt động báo chí hoặc Giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số điện thoại/số Fax của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1

dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác của đài thông tin vệ tinh

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi thiết bị kê khai trong một tờ khai của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông tin chung

1. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng.

2. Địa điểm đặt thiết bị: Ghi theo địa chỉ hành chính (xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)).

3. Mục đích sử dụng: Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

II. Thông tin kỹ thuật của đài

4. Hồ hiệu (tên/mã trạm): Kê khai tên/mã trạm mặt đất được phép sử dụng.

5. Loại đài: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài thông tin vệ tinh đặt trên máy bay/đài thông tin vệ tinh di động/đài thông tin vệ tinh mặt đất/đài thông tin vệ tinh đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể).

6. Loại thiết bị: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu).

7. Tên thiết bị/Hãng sản xuất: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị/Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.

8. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz): Ghi tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz).

9. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz): Ghi tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz).

10. Công suất phát EIRP (dBW): ghi mức công suất tại đầu ra ăng - ten theo đơn vị dBW.

11. Phương thức phát/thu: Kê khai tất cả các phương thức phát và phương thức thu sẽ sử dụng, (ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E).

12. Kê khai độ rộng băng thông cần thiết, ví dụ 5 MHz.

13. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền (Mb/s): ghi kiểu điều chế của thiết bị như 16QAM, QPSK, FM/Ghi tốc độ truyền theo đơn vị Mb/s. Ví dụ kê khai: 16QAM/10.

III. Thông tin về ăng ten

14. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất: Khai tên và ký hiệu ăng-ten theo Catalog hoặc ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...)/Khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

15. Đường kính (m): Là đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)

16. Vị trí đặt ăng-ten: Kê khai tọa độ đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.

17. Độ rộng búp sóng phát/thu (°): Ghi độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (°), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

18. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi): Ghi hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

19. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất: Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

- Ghi góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng - ten quay, ví dụ: 15/10.

- Ghi một giá trị khi ăng-ten cố định.

20. Góc ngẩng: Là góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

21. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ bộ tiếp điện (feed horn) của ăng-ten đến mặt đất.

22. Độ cao so với mực nước biển: là độ cao của ăng-ten so với mực nước biển.

23. Phân cực phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

24. Phân cực thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”.

25. Giảm đồ bức xạ phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giảm đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

26. Giảm đồ bức xạ thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giảm đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

27. Thời gian dự định đưa vào khai thác: Ghi rõ thời gian mà tổ chức dự định đưa hệ thống vào khai thác (ngày/tháng/năm), ví dụ: 18/02/2010.

28. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động liên tục trong ngày thì ghi “H24”.

IV. Thông tin về quỹ vệ tinh và phối hợp

29. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/tên thương mại: Tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E/IS802@174°E.

30. Mã hồ sơ đăng ký (Special Section): Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định, lấy từ hồ sơ của vệ tinh đã đăng ký với ITU. (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

31. Cơ quan quản lý vệ tinh: Ghi tên tổ chức hoặc quốc gia cung cấp vệ tinh (Ví dụ: Intelsat, Inmarsat, Mỹ, Trung Quốc,...).

32. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

33. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: Kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz).

34. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: Kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

35. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: Kê khai tỷ số C/I (là tỷ số giữa công suất sóng mang và nhiễu) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

36. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: Trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: Búp sóng phát của vệ tinh sẽ là búp sóng phát của đài vệ tinh trái đất và ngược lại.

37. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1g**Số:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN****(Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng
sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động)**

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của Pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Số Giấy phép viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng:	từ ngày	đến ngày

Phụ lục 1**THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. Tổng số thiết bị trong mạng		2. Giờ liên lạc	
3. Phạm vi hoạt động			
4. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)	() Có. Loại mã:..... () Không		
5. Cấu hình mạng	() Đơn công () Song công/Bán song công		
		- Khoảng cách thu/phát tối thiểu (kHz):	
		- Khoảng cách thu/phát tối đa (kHz):	
6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	từ ngày:	đến hết ngày:	
7. Mục đích sử dụng			
8. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động			
Loại thiết bị (số lượng)			
Thông số kỹ thuật			
8.1. Các mức công suất phát (W)			
8.2. Kiểu điều chế			
8.3. Phương thức phát			
8.4 Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)			
8.5. Dải tần thiết bị		Phát	
		Thu	
8.6.	Dải tần làm việc		
Ăng-ten	Hệ số khuếch đại (dBi)		
	Độ cao (so với mặt đất) (m)		

8.7. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ				
8.8. Kinh độ, vĩ độ		°	'	” E
<i>Chỉ áp dụng cho mạng nội bộ (vị trí trung tâm của vùng hoạt động)</i>		°	'	” N
8.9. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị				
9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định				
		Thiết bị		
Thông số kỹ thuật				
9.1. Các mức công suất phát (W)				
9.2. Kiểu điều chế				
9.3. Phương thức phát				
9.4. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)				
9.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
9.6. Địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện)				
9.7. Hồ hiệu đề nghị				
9.8. Ăng-ten	Kiểu			
	Dải tần làm việc			
	Hệ số khuếch đại			
	Kích thước			
	Độ cao (so với mặt đất)(m)			
	Kinh độ (° ' ” E)			
	Vĩ độ (° ' ” N)			
Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°)				
9.9. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ				
10. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (Mẫu 1g)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội**

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

- | | |
|--|---|
| <p>* Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
 Fax: 04.35564913</p> | <p>* Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức
 Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
 Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
 Fax: 031.3827420</p> |
| <p>* Khu vực 2: Lô 6 - Khu E - Khu đô thị
 mới An Phú An Khánh - Phường An Phú -
 Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại: 08.37404179;
 Fax: 08.37404966</p> | <p>* Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin -
 TP. Vinh - Nghệ An
 Điện thoại: 038.3833511;
 Fax: 038.3849518</p> |
| <p>* Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng
 Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn
 Trà - TP. Đà Nẵng.
 Điện thoại: 0511.3933545;
 Fax: 0511.3933707</p> | <p>* Khu vực 7: Số 1 - Đường Phan Chu
 Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha
 Trang.
 Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
 Fax: 058.3824410.</p> |
| <p>* Khu vực 4: 386A - Cách mạng tháng 8,
 TP. Cần Thơ
 Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
 Fax: 0710.3887087</p> | <p>* Khu vực 8: Phường Dừa Lâu, TP. Việt
 Trì, tỉnh Phú Thọ.
 Điện thoại: 0210.384503; 384507.
 Fax: 0210.3840504.</p> |

- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1g: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp di động.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp. Đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.4. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.5. Ghi địa chỉ thường trú của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng mạng thông tin vô tuyến điện đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (tương ứng với số lượng mạng thông

tin vô tuyến điện). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Ghi rõ tổng số thiết bị có trong mạng, bao gồm cả thiết bị cố định và di động.

2. Giờ liên lạc: Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi “H24”.

3. Phạm vi hoạt động: Kê khai phạm vi lưu động: lưu động trong phạm vi nào: số nhà, đường, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh)/khu vực.../toàn quốc.

4. Chỉ áp dụng đối với trường hợp dùng chung tần số. Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

5. Cấu hình mạng: Đánh dấu “X” vào ô “đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ đơn công hoặc “Song công/Bán song công nếu mạng hoạt động ở chế độ Song công/Bán song công và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị kHz.

6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

7. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

8. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động: Kê khai theo loại thiết bị, không kê khai từng thiết bị. Mỗi loại thiết bị di động được khai vào một cột kèm theo số lượng thiết bị cùng loại đó.

8.1. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

8.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK,...

8.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

8.4. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.

8.5. Dải tần thiết bị. Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.6. Ăng-ten:

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten.

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

8.7. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, tên thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

8.8. Đối với mạng nội bộ thì kê khai kinh độ, vĩ độ của vị trí trung tâm của vùng hoạt động theo độ, phút, giây.

8.9. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: Khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được ghi trong giấy phép).

9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định: Mỗi thiết bị được khai vào một cột.

9.1. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

9.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK,...

9.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

9.4. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.

9.5. Dải tần thiết bị: Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

9.6. Kê khai địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện).

9.7. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).

9.8. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Cản, Dipol...

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten.

- Kích thước: Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: kê khai vị trí lắp đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.

- Góc phương vị của hướng bức xạ chính ($^{\circ}$): là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

9.9. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, loại thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

10. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

Mẫu 1h

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN*(Đối với đài tàu)*

- CHÚ Ý: 1. Không áp dụng đối với thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS.
2. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
3. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:			
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp:		
1.3. Tài khoản	Số:		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	

1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/ Số điện thoại			1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động)
2. TÊN CHỦ TÀU:			
3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... đài tàu	<input type="checkbox"/> (..... tờ của Phụ lục 1)	
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số.....	<input type="checkbox"/> (..... tờ của Phụ lục 2)	
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho.... giấy phép	<input type="checkbox"/> (..... tờ của Phụ lục 1)	
	<input type="checkbox"/> Ngừng.....giấy phép số.....	<input type="checkbox"/> (.... tờ của Phụ lục 3)	
4. MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIÊN THÔNG QUỐC TẾ			
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
6. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
6.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
6.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
6.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
6.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 1**THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. TÊN TÀU		2. LOẠI TÀU (SÔNG, BIỂN, ...)			
3. SỐ GỌI CHỌN:					
4. TỔNG DUNG TÍCH:		5. SỐ CHỖ			
6. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG (BIỂN HẠN CHẾ I, II...; KHÔNG HẠN CHẾ;...)					
7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP		Từ ngày..... đến ngày.....			
8. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ PHÁT HOẶC THU - PHÁT VTD TRANG BỊ TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	BỔ SUNG/ THAY THẾ/ HỦY BỎ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ.... đến.... (MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT
9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG					

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1h)****I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội**

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

- | | |
|--|---|
| <p>* Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913</p> | <p>* Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420</p> |
| <p>* Khu vực 2: Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966</p> | <p>* Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518</p> |
| <p>* Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707</p> | <p>* Khu vực 7: Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.</p> |
| <p>* Khu vực 4: 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.883336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087</p> | <p>* Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.</p> |

- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1h: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD (không áp dụng cho thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS); gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài tàu.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp. Đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ thường trú của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Viết hoa tên của chủ tàu (ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng đài tàu đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (tương ứng với số lượng đài tàu cấp mới). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 4. Mã nhận dạng cơ quan thanh toán viễn thông quốc tế: Ghi mã của cơ quan đại diện mà chủ tàu đăng ký thanh toán cước viễn thông quốc tế qua cơ quan đó, ví dụ VT01, VT02,...

Điểm 5: Ghi thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục nếu đề nghị cấp mới. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục bổ sung, sửa đổi.

1. Viết hoa tên tàu: (ví dụ: VINALINES). Lưu ý: ghi tên tàu đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

2. Loại tàu: ghi rõ tàu khách, tàu sông, tàu đánh bắt cá,....

3. Số gọi chọn: là dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. Tổng dung tích: ghi tổng dung tích của tàu theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Kê khai số chỗ của tàu (đối với tàu khách, ghi theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp).

6. Kê khai phạm vi hoạt động của tàu biển (ví dụ: biển hạn chế I, biển hạn chế II, không hạn chế...) đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.

7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng.

8. Đặc điểm thiết bị phát hoặc thu - phát VTĐ trang bị trên tàu: Mỗi loại thiết bị được kê khai vào một dòng.

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...).

- Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

- Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ: áp dụng cho trường hợp sửa đổi bổ sung:

* Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số.

* Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.

* Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Công suất phát (W): Kê khai mức công suất phát của thiết bị.

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

9. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin bổ sung nếu có.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép

(hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1i**Số:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ**
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**(Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá)**

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý

1.4. Địa chỉ liên lạc	
1.5. Số FAX/Số điện thoại	1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1)
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho... giấy phép (.....tờ của Phụ lục 1)
	<input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)
3. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	
4. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
4.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	
4.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(đối với tổ chức) hoặc xác nhận của
UBND phường, xã nơi ở hiện tại
(dùng cho trường hợp cá nhân
không có chứng minh thư)
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

Phụ lục 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

- Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
- Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC CỦA ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN:	
Thiết bị phát	
Tham số kỹ thuật	
1.1. Công suất phát tối đa	
1.2. Phương thức phát	
1.3. Dải tần thiết bị	Phát Thu
1.4. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)	
1.5. Kiểu Anten	Kiểu Kích thước (m) Độ cao so với mặt đất (m)
1.6. Hồ hiệu đề nghị	
1.7. Giờ hoạt động	
1.8. Đối tượng liên lạc	
2. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)	() Có. Loại mã:..... () Không
3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	từ ngày: đến hết ngày:
4. Mục đích sử dụng	
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG:	

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1i)****I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội**

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị
mới An Phú An Khánh - Phường An Phú -
Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1 - Đường Bạch Đằng
Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn
Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8,
TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức
Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin -
TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu
Trình - Phường Xương Huân - TP. Nha
Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu,
TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Đề trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1i: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp, đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ thường trú của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.

- Đánh dấu “X” vào ô “gia hạn” khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít

giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu “X” vào ô “bổ sung hoặc thay đổi” khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu “X” vào ô “Ngừng” khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Phụ lục nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Các thông số kỹ thuật, khai thác của đài VTĐ:

1.1. Công suất phát tối đa: Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

1.2. Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng (theo thiết kế chế tạo của thiết bị). Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E.

1.3. Dải tần thiết bị: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

1.4. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố): Kê khai theo địa điểm đặt thiết bị.

1.5. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Càn, Dipol...

- Kích thước (m): Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

- Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

1.6. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi hoạt động phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).

1.7. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động trong thời gian toàn bộ ngày thì ghi “H24”.

1.8. Đối tượng liên lạc: kê khai hồ hiệu của phương tiện nghề cá liên lạc với đài.

2. Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ: ghi theo đề nghị của tổ chức.

4. Mục đích sử dụng: Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. Đối với các cá nhân không có chứng minh thư (hoặc mất) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

Mẫu 1k**Số:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ
THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

CHO THIẾT BỊ VTĐ 1. Dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ;
2. Của đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao (trừ đài thông tin vệ tinh).

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phân hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.3. Địa chỉ liên lạc			
1.4. Số FAX/ số điện thoại	1.5. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)		
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	<input type="checkbox"/> Cấp mới		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc sửa đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....		

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
4. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
5. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ VTD	Tên thiết bị	Công suất phát (W)	Dải tần làm việc (MHz)	Địa điểm đặt
6. THÔNG TIN BỔ SUNG				
7. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT				
7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.				
7.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.				
7.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.				
7.4. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.				

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ (MẪU 1k)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.883336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Đề trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHÂN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1k: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ và đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.3. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.4. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.5. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Điểm 3. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: giới thiệu công nghệ, phục vụ thông tin liên lạc cho đoàn đại biểu nước ngoài...

Điểm 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép ghi theo đề nghị của tổ chức đề nghị sử dụng.

Điểm 5. Các thông số kỹ thuật của thiết bị vô tuyến điện

- Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

- Dải tần làm việc (MHz): Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

- Địa điểm đặt thiết bị: Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh); Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện gì (ví dụ: ô tô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.

Điểm 6. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

Mẫu 2**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Số Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/Số điện thoại		1.6. Người kê khai (Số điện thoại CD/ Di động/E-mail	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày..... đến hết ngày.....		

4. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	() Cấp mới () Gia hạn () Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....	
5. PHẠM VI PHỦ SÓNG		
6. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	6.1. Đoạn băng tần sử dụng	
	6.2. Công nghệ sử dụng	
	6.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	6.2.2. Phát xạ giả	
	6.2.3. Phát xạ trong băng	
	6.2.4. Phát xạ ngoài băng	
7. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI		
8. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG		
9. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT		
9.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.		
9.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.		
9.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.		
9.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.		

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại....., ngày... tháng.... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG BẢNG TÀN (MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội**

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

- | | |
|--|---|
| <p>* Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
 Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
 Fax: 04.35564913</p> | <p>* Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng -
 Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
 Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
 Fax: 031.3827420</p> |
| <p>* Khu vực 2: Lô 6 - Khu E - Khu đô
 thị mới An Phú An Khánh - Phường An
 Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại: 08.37404179;
 Fax: 08.37404966</p> | <p>* Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin -
 TP. Vinh - Nghệ An
 Điện thoại: 038.3833511;
 Fax: 038.3849518</p> |
| <p>* Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch
 Đằng Đông - Khu dân cư An Trung -
 Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
 Điện thoại: 0511.3933545;
 Fax: 0511.3933707</p> | <p>* Khu vực 7: Số 1 - Đường Phan Chu
 Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha
 Trang.
 Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
 Fax: 058.3824410.</p> |
| <p>* Khu vực 4: 386A - Cách mạng tháng 8,
 TP. Cần Thơ
 Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
 Fax: 0710.3887087</p> | <p>* Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt
 Trì, tỉnh Phú Thọ.
 Điện thoại: 0210.384503; 384507.
 Fax: 0210.3840504.</p> |

- Đề trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng băng tần; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp thông tin di động nội vùng,...

Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép ghi theo đề nghị của tổ chức.

Điểm 4. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Điểm 5. Ghi phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (tỉnh, thành phố) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Điểm 6. Các thông số kỹ thuật chung:

6.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

6.2. Kê khai công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: CDMA20001x,...

6.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

Điểm 8. Khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

Mẫu 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ
QUỸ ĐẠO VỆ TINH
(Đối với vệ tinh địa tĩnh)

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÀ TUYÊN ĐIỂN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Số Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp:
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email)	

2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	() Cấp mới
	() Gia hạn
	() Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....
3. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	
4. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT	
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
4.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
4.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.	
4.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.	
4.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).	
4.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

Phụ lục
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

I. Số liệu vệ tinh					
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
2. Vị trí quỹ đạo					
3. Nhà sản xuất vệ tinh:					
4. Khung vệ tinh:					
5. Ngày phóng vệ tinh:					
6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
II. Băng tần					
Băng tần	Dải Tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

III. Tham số hoạt động của vệ tinh

Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten,...) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn Thông quốc tế tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV

IV. Hồ sơ vệ tinh

(vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)

	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3
1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: <i>(Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)</i>			
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh:			
3. Vị trí quỹ đạo:			
▪ Độ lệch trái:			
▪ Độ lệch phải:			
▪ Độ lệch nghiêng:			
4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng:			
5. Ngày xác định quyền ưu tiên			
6. Mã hồ sơ			
▪ API/A/			
▪ CR/C			
▪ RES49/			
▪ Part I-S			
▪ Part II-S			
▪ Part III-S			

7. Bảng tần	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)
IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh:						
Từ ngày:		Tới ngày:				
V. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung						

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG
TÀN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3a)****I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**

115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 071.883336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.

Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Đề trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh đã được cấp.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi bổ sung của bản khai.

Điểm 3. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

3. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

4. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

5. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.

6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka.

- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ:

3400-3700

6425-6725

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng

Tuyến tính	<input type="checkbox"/> Đứng	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Ngang
Tròn	<input type="checkbox"/> Trái	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp

Băng tần	Dải Tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12	36	
			01	54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

III. Tham số hoạt động của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

3. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo
- Độ lệch phải (theo độ):
- Độ lệch nghiêng (theo độ):

4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: Ghi theo ngày/tháng/năm

5. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

6. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

7. Băng tần: ghi rõ tần số theo đơn vị MHz.

IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh: Ghi theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp.

V. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

Mẫu 3b**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH****(Đối với vệ tinh phi địa tĩnh)**

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÀ TUYÊN ĐIỀN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Số Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp:
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	() Đồng ý	() Không đồng ý

1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Số FAX/số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email)	
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	<input type="checkbox"/> Cấp mới		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....		
3. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
4. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
4.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.			
4.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.			
4.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.			
4.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).			
4.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên và đóng dấu)

Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

I. Số liệu vệ tinh					
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
2. Số mặt phẳng quỹ đạo					
3. Nhà sản xuất vệ tinh:					
4. Khung vệ tinh:					
5. Ngày phóng vệ tinh:					
6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
II. Bảng tần					
Băng tần	Dải Tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/vùng dịch vụ
L					
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng						
8. Ngày xác định quyền ưu tiên							
9. Mã hồ sơ							
■ API/A/							
■ CR/C							
■ RES49/							
■ Part I-S							
■ Part II-S							
■ Part III-S							
10. Băng tần	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	
IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh:							
Từ ngày:				Tới ngày:			
V. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung							

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3b)****I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**

115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tàn số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.

Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh đã được cấp.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi bổ sung của bản khai.

Điểm 3. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

2. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

3. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

4. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

5. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.

6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần L, S, C, X, Ku, Ka.

- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ:

3400-3700

6425-6725

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng

Tuyến tính Tròn	<input type="checkbox"/> Đứng	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Ngang
	<input type="checkbox"/> Trái	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải Tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12	36	
			01	54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

III. Tham số hoạt động của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

3. Số mặt phẳng quỹ đạo: Ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời,...

5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm Cực viễn tính theo Km, độ cao điểm Cực cận tính theo Km cho mỗi hồ sơ.

6. Thống kê quỹ đạo có tần số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thể lệ vô tuyến thế giới bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mỗi mặt phẳng quỹ đạo cho mỗi hồ sơ.

7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng cho mỗi hồ sơ.

8. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

9. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

10. Băng tần: ghi rõ tần số theo đơn vị MHz.

IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh: Ghi theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp.

V. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

